

Tuần 28

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Trong tuần 28, sáu tiết đầu được dành cho việc ôn tập và kiểm tra miệng, hai tiết cuối dành cho kiểm tra viết.

Các tiết ôn tập – kiểm tra miệng 1, 2, 3, 4, 6 đều có yêu cầu kiểm tra kĩ năng đọc, HTL của HS, tiếp đó là một số bài luyện tập chính tả, luyện từ và câu, tập làm văn. GV chú ý trong mỗi tiết, cần lấy điểm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng, HTL của khoảng 1/5 lớp HS.

Tiết 1

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL, kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc – hiểu (HS trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc).

Yêu cầu về kĩ năng đọc thành tiếng : HS đọc trôi chảy các bài tập đọc đã học từ học kì II của lớp 5 (phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 120 chữ / phút ; biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ, biết đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản nghệ thuật).

2. Củng cố, khắc sâu kiến thức về cấu tạo câu (câu đơn, câu ghép) ; tìm đúng các ví dụ minh họa về các kiểu cấu tạo câu trong bảng tổng kết.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL trong 9 tuần đầu sách *Tiếng Việt 5, tập hai* (18 phiếu – gồm cả văn bản phổ biến khoa học, báo chí) để HS bốc thăm. Trong đó :

+ 14 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài tập đọc từ tuần 19 đến tuần 27 (*Người công dân số Một – phần đầu, Người công dân số Một – phần sau, Thái sư Trần Thủ Độ, Nhà tài trợ đặc biệt của Cách mạng, Trí dũng song toàn, Tiếng rao đêm, Lập làng giữ biển, Phân xử tài tình, Luật tục xưa của người Ê-đê, Hộp thư mật, Phong cảnh đền Hùng, Nghĩa thầy trò, Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn, Tranh làng Hồ*).

+ 4 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài tập đọc có yêu cầu HTL để HS bốc thăm đọc thuộc lòng cả bài hoặc khổ thơ yêu thích (*Cao Bằng, Chú đi tuần, Cửa sông, Đất nước*).

– Bút dạ và 1 tờ phiếu khổ to kẻ bảng tổng kết ở BT2 (mẫu trong SGK) để GV giải thích yêu cầu của BT2.

– Bốn, năm tờ phiếu viết nội dung của BT2 theo mẫu khác SGK (phát cho 4 – 5 HS – xem mẫu ở phần lời giải BT2).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

– GV giới thiệu nội dung học tập của tuần 28 : Ôn tập, củng cố kiến thức và kiểm tra kết quả học môn Tiếng Việt của HS giữa học kì II.

– Giới thiệu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra TĐ và HTL (khoảng 1/5 số HS trong lớp)

GV căn cứ vào số HS trong lớp, phân phối thời gian hợp lí để mỗi HS đều có điểm. Cách kiểm tra như đã tiến hành ở học kì I :

– Từng HS lên bốc thăm chọn bài (sau khi bốc thăm, được xem lại bài khoảng 1 – 2 phút).

– HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu.

– GV đặt 1 câu hỏi về đoạn, bài vừa đọc ; cho điểm theo hướng dẫn của Vụ Giáo dục Tiểu học.

3. Bài tập 2

– Một HS đọc yêu cầu của bài.

– GV dán lên bảng lớp tờ giấy đã viết bảng tổng kết ; HS nhìn lên bảng, nghe GV hướng dẫn : BT yêu cầu các em phải tìm ví dụ minh họa cho từng kiểu câu (câu đơn và câu ghép). Cụ thể :

+ Câu đơn : 1 VD.

+ Câu ghép : Câu ghép không dùng từ nối : 1 VD / Câu ghép dùng từ nối : Câu ghép dùng QHT (1 VD) – Câu ghép dùng cặp từ hô ứng (1 VD).

– HS làm bài cá nhân – các em nhìn bảng tổng kết, tìm ví dụ, viết vào vở hoặc VBT. GV phát giấy, bút dạ cho 4 – 5 HS.

– HS tiếp nối nhau nêu ví dụ minh họa lần lượt cho từng kiểu câu (câu đơn → câu ghép không dùng từ nối → câu ghép dùng QHT → câu ghép dùng cặp từ hô ứng). Cả lớp và GV nhận xét nhanh.

– Những HS làm bài trên giấy dán bài lên bảng lớp, trình bày. Cả lớp và GV nhận xét. GV khen ngợi HS làm bài đúng. VD :

Các kiểu cấu tạo câu	Ví dụ
Câu đơn	– <i>Đến Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh.</i> – <i>Từ ngày còn ít tuổi, tôi đã rất thích ngắm tranh làng Hồ.</i>
Câu ghép không dùng từ nối	– <i>Lòng sông rộng, nước xanh trong.</i> – <i>Mây bay, gió thổi.</i>
Câu ghép dùng QHT	– <i>Súng kíp của ta mới bắn một phát <u>thì</u> súng của họ đã bắn được năm, sáu mươi phát.</i> – <i><u>Vì</u> trời nắng to, lại không mưa đã lâu <u>nên</u> cỏ cây héo rũ.</i>
Câu ghép dùng cặp từ hô ứng	– <i>Nắng <u>vừa</u> nhạt, sương <u>đã</u> buông xuống mặt biển.</i> – <i>Trời <u>chưa</u> hừng sáng, nông dân <u>đã</u> ra đồng.</i>

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn những HS chưa kiểm tra tập đọc ; HTL hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu về nhà tiếp tục luyện đọc.

Tiết 2

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).
2. Củng cố, khắc sâu kiến thức về cấu tạo câu : làm đúng bài tập điền vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Hai, ba tờ phiếu viết 3 câu văn chưa hoàn chỉnh của BT2.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra TĐ và HTL (khoảng hơn 1/5 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.

3. Bài tập 2

- Một HS đọc yêu cầu của bài.
- HS đọc lần lượt từng câu văn, làm bài vào vở hoặc VBT. GV phát riêng bút dạ và giấy đã viết nội dung bài cho 3 – 4 HS.
- HS tiếp nối nhau đọc câu văn của mình. GV nhận xét nhanh.
- Những HS làm bài trên giấy dán bài lên bảng lớp, trình bày. Cả lớp và GV nhận xét, sửa chữa, kết luận những HS làm bài đúng :

a) Tuy máy móc của chiếc đồng hồ nằm khuất bên trong nhưng *chúng điều khiển kim đồng hồ chạy. / chúng rất quan trọng. / ...*

b) Nếu mỗi bộ phận trong chiếc đồng hồ đều muốn làm theo ý thích của riêng mình thì *chiếc đồng hồ sẽ hỏng. / sẽ chạy không chính xác. / sẽ không hoạt động. /*

c) Câu chuyện trên nêu lên một nguyên tắc sống trong xã hội là : "Mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người."

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn HS đọc trước để chuẩn bị ôn tập tiết 3.

Tiết 3

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).
2. Đọc – hiểu nội dung, ý nghĩa của bài "Tình quê hương" ; tìm được các câu ghép ; từ ngữ được lặp lại, được thay thế có tác dụng liên kết câu trong bài văn.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Bút dạ và 1 tờ phiếu viết (rời) 5 câu ghép của bài *Tình quê hương* để GV phân tích – BT2c.
- Một tờ phiếu phô tô phóng to bài *Tình quê hương* để HS làm BT2d.1 (tìm từ ngữ lặp lại) và 1 tờ tương tự (có đánh số thứ tự các câu văn) để HS làm BT2d.2 (tìm từ ngữ thay thế).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra TĐ và HTL (gần 1/5 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.

3. Bài tập 2

– Hai HS tiếp nối nhau đọc nội dung BT2 : HS1 đọc bài *Tình quê hương* và chú giải từ ngữ khó (*con da, chợ phiên, bánh rộm, lầy Kiều*) ; HS2 đọc các câu hỏi.

– Cả lớp đọc thầm lại đoạn văn, suy nghĩ, làm bài cá nhân hoặc trao đổi cùng bạn.

– GV giúp HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu của bài tập :

+ *Tìm những từ ngữ trong đoạn 1 thể hiện tình cảm của tác giả với quê hương. (dăm dăm nhìn theo, sức quyến rũ, nhớ thương mãnh liệt, day dứt).*

+ *Điều gì đã gắn bó tác giả với quê hương ? (Những kỉ niệm tuổi thơ gắn bó tác giả với quê hương.)*

+ *Tìm các câu ghép trong bài văn. (Bài văn có 5 câu. Tất cả 5 câu trong bài đều là câu ghép.)*

Sau khi HS trả lời, GV dán lên bảng tờ phiếu đã viết 5 câu ghép của bài. Nếu có thời gian, GV cùng HS phân tích các vế của câu ghép :

1) Làng quê tôi đã khuất hẳn / nhưng tôi vẫn dăm dăm nhìn theo.
C V C V

2) Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân nhiều chỗ phong cảnh đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng và cũng có những người yêu tôi tha thiết, / nhưng sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cọc cần này.
C V C V

3) Làng mạc bị tàn phá / nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về.
C V C V

(Câu 3 là một câu ghép có 2 vế, bản thân vế thứ 2 có cấu tạo như một câu ghép.)

4) Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột ; / tháng tám nước lên,

C V

tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép ; / tháng chín, tháng mười, (tôi) đi móc con da dưới vệ sông.

C V C V

(Câu 4 là một câu ghép có 3 vế câu.)

5) Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, đi tôi lại mua cho vài cái bánh rộm ; /

C V

đem nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà lấy Kiều ngâm thơ ; / những tối liên hoan xã,

C V

(tôi) nghe cái Tì hát chèo / và đôi lúc (tôi) lại được ngồi nói chuyện với Cún Con,

C V C V

nhắc lại những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu.

(Câu 5 là một câu ghép có 4 vế câu.)

+ Tìm các từ ngữ được lặp lại, được thay thế có tác dụng liên kết câu trong bài văn.

Cách tổ chức thực hiện : HS đọc câu hỏi 4. GV mời 1 HS nhắc lại kiến thức về hai kiểu liên kết câu (bằng cách lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ).

• *Tìm các từ ngữ được lặp lại có tác dụng liên kết câu* : HS đọc thầm bài văn, tìm các từ ngữ được lặp lại ; phát biểu ý kiến. GV nhận xét. Cuối cùng, GV dán lên bảng tờ giấy phôi bài *Tình quê hương*, mời 1 HS có lời giải đúng lên bảng gạch dưới các từ ngữ được dùng lặp lại trong bài. Cả lớp và GV nhận xét, kết luận : Các từ *tôi*, *mảnh đất* được lặp lại nhiều lần trong bài văn có tác dụng liên kết câu.

• *Tìm các từ ngữ được thay thế có tác dụng liên kết câu* : Cách tổ chức thực hiện tương tự BT1. Cuối cùng, GV cũng mời 1 HS giỏi lên bảng gạch dưới các từ ngữ được thay thế có tác dụng liên kết câu trên tờ giấy đã phôi bài văn ; kết luận :

Đoạn 1 : *mảnh đất cọc cần* (câu 2) thay cho *làng quê tôi* (câu 1)

Đoạn 2 :

mảnh đất quê hương (câu 3) thay cho *mảnh đất cọc cần* (câu 2)

mảnh đất ấy (câu 4, 5) thay cho *mảnh đất quê hương* (câu 3)

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị ôn tập tiết 4 (đọc trước nội dung tiết ôn tập ; xem lại các bài tập đọc là văn miêu tả trong 9 tuần đầu học kì II).

Tiết 4

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).
2. Kể tên các bài tập đọc là văn miêu tả đã học trong 9 tuần đầu học kì II. Nêu được dàn ý của một trong những bài văn miêu tả trên ; nêu chi tiết hoặc câu văn HS yêu thích ; giải thích được lí do yêu thích chi tiết hoặc câu văn đó.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bút dạ và 5 – 6 tờ giấy khổ to để HS làm BT2.
- Ba tờ phiếu khổ to – mỗi tờ viết sẵn dàn ý của 1 trong 3 bài văn miêu tả : *Phong cảnh đền Hùng, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Tranh làng Hồ* (xem dàn ý ở dưới).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

- 1. Giới thiệu bài :** GV nêu MĐ, YC của tiết học.
- 2. Kiểm tra TĐ và HTL (1/5 số HS trong lớp) :** Thực hiện như tiết 1.
- 3. Bài tập 2**
 - HS đọc yêu cầu của bài ; mở *Mục lục sách* tìm nhanh tên các bài đọc là văn miêu tả từ tuần 19 – 27.
 - HS phát biểu. GV kết luận : Có 3 bài tập đọc là văn miêu tả trong 9 tuần đầu của học kì II : *Phong cảnh đền Hùng, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Tranh làng Hồ*.
- 4. Bài tập 3**
 - HS đọc yêu cầu của bài.
 - Một số HS tiếp nối nhau cho biết các em chọn viết dàn ý cho bài văn miêu tả nào (bài *Phong cảnh đền Hùng* hoặc *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Tranh làng Hồ*).
 - HS viết dàn ý của bài văn vào vở hoặc VBT. GV phát riêng bút dạ và giấy cho 5 – 6 HS – chọn những HS viết dàn ý cho những bài miêu tả khác nhau.
 - HS đọc dàn ý bài văn ; nêu chi tiết hoặc câu văn mình thích ; giải thích lí do. GV nhận xét.
 - GV mời 3 HS làm bài trên giấy có dàn ý tốt dán bài lên bảng lớp, trình bày ; sau đó trả lời miệng về chi tiết hoặc câu văn các em thích. Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung hoàn chỉnh dàn ý của từng bài văn ; bình chọn bạn làm bài tốt nhất. (Trong trường hợp dàn ý của HS còn sơ sài, GV dán lên bảng lần lượt dàn ý của ba bài văn ; mời 3 HS đọc lại.)

Sau đây là gợi ý về dàn ý của 3 bài văn và VD về các câu trả lời :

1) *Phong cảnh đền Hùng*

a) **Dàn ý** (bài tập đọc là một trích đoạn, chỉ có thân bài) :

– Đoạn 1 : Đền Thượng trên đỉnh Nghĩa Lĩnh (trước đền, trong đền).

– Đoạn 2 : Phong cảnh xung quanh khu đền :

+ Bên phải là đỉnh Ba Vì.

+ Chấn ngang bên trái là dãy Tam Đảo.

+ Phía xa là Sóc Sơn.

+ Trước mặt là Ngã Ba Hạc.

– Đoạn 3 : Cảnh vật trong khu đền :

+ Cột đá An Dương Vương.

+ Đền Trung.

+ Đền Hạ, chùa Thiên Quang và đền Giếng.

b) **Chi tiết hoặc câu văn em thích :**

Em thích chi tiết : người đi từ đền Thượng lần theo lối cũ xuống đền Hạ, sẽ gặp *những cánh hoa dại, những gốc thông già hàng năm, sáu thế kỉ che mát và toả hương thơm*. Những chi tiết, hình ảnh ấy gợi cảm giác về một cảnh thiên nhiên rất khoáng đạt, thần tiên. / ...

2) *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*

a) **Dàn ý** :

– Mở bài : Nguồn gốc hội thổi cơm thi ở Đồng Vân. (MB trực tiếp)

– Thân bài :

+ Hoạt động lấy lửa và chuẩn bị nấu cơm.

+ Hoạt động nấu cơm.

– Kết bài : Chấm thi. Niềm tự hào của những người đoạt giải. (KB không mở rộng)

b) **Chi tiết hoặc câu văn em thích :**

Em thích chi tiết thanh niên các đội thi lấy lửa vì đây là việc làm rất khó, đòi hỏi sự khéo léo hơn nữa, nó diễn ra rất vui, sôi nổi. / Em thích những câu văn tả hoạt động thổi cơm và đan xen uốn lượn trên sân đình vì đó là những câu viết rất dễ hiểu giúp người đọc hình dung rất rõ sự độc đáo, vẻ đẹp của hội thổi cơm thi. / ...

3) *Tranh làng Hồ*

a) **Dàn ý** (bài tập đọc là một trích đoạn, chỉ có thân bài) :

– Đoạn 1 : Cảm nghĩ chung của tác giả về tranh làng Hồ và nghệ sĩ dân gian.

– Đoạn 2 : Sự độc đáo của nội dung tranh làng Hồ.

– Đoạn 3 : Sự độc đáo của kĩ thuật tranh làng Hồ.

b) **Chi tiết hoặc câu văn em thích :**

Em thích những câu văn viết về màu trắng điệp – màu trắng với những hạt cát của điệp trắng nhấp nháy muôn ngàn hạt phấn. Đó là sự sáng tạo trong kĩ thuật pha màu của tranh làng Hồ. Nhờ bài văn này, em biết thêm một màu trong hội hoạ. / ...

5. **Củng cố, dặn dò**

GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà viết lại hoàn chỉnh dàn ý của bài văn miêu tả đã chọn ; chuẩn bị ôn tập tiết 5 (quan sát một cụ già để viết được đoạn văn ngắn tả ngoại hình của một cụ già).

Tiết 5

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nghe – viết đúng chính tả đoạn văn tả Bà cụ bán hàng nước chè.
2. Viết được một đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) tả ngoại hình của một cụ già mà em biết.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Một số tranh, ảnh về các cụ già.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Nghe – viết

– GV đọc bài chính tả *Bà cụ bán hàng nước chè* – giọng thông thả, rõ ràng. Cả lớp theo dõi trong SGK.

– HS đọc thầm lại bài chính tả, tóm tắt nội dung bài (Tả gốc cây bàng cổ thụ và tả bà cụ bán hàng nước chè dưới gốc bàng).

– HS đọc thầm lại bài chính tả. GV nhắc các em chú ý các tiếng, từ dễ viết sai (VD : *tuổi già, tuông chèo...*).

– HS gấp SGK. GV đọc cho HS viết. GV đọc lại bài chính tả cho HS rà soát lại bài. GV chấm chữa bài. Nêu nhận xét chung.

3. Bài tập 2

– Một HS đọc yêu cầu của bài.

– GV hỏi :

+ *Đoạn văn các em vừa viết tả ngoại hình hay tính cách của bà cụ bán hàng nước chè ?* (Tả ngoại hình.)

+ *Tác giả tả đặc điểm nào về ngoại hình ?* (Tả tuổi của bà.)

+ *Tác giả tả bà cụ rất nhiều tuổi bằng cách nào ?* (Bằng cách so sánh với cây bàng già ; đặc tả mái tóc bạc trắng.)

– GV nhắc HS :

+ Miêu tả ngoại hình nhân vật không nhất thiết phải tả đầy đủ tất cả các đặc điểm mà chỉ tả những đặc điểm tiêu biểu.

+ Trong bài văn miêu tả, có thể có 1 hoặc 2, 3 đoạn văn tả ngoại hình nhân vật. VD : Bài *Bà tôi* (*Tiếng Việt 5, tập một*) có đoạn tả mái tóc của bà ; có đoạn tả giọng nói, đôi mắt, khuôn mặt của bà.

+ Bài tập yêu cầu các em viết một đoạn văn khoảng 5 câu tả ngoại hình của một cụ già mà em biết (một cụ ông hoặc cụ bà) – em nên viết đoạn văn tả một vài đặc điểm tiêu biểu của nhân vật.

– Một vài HS phát biểu ý kiến – cho biết các em chọn tả một cụ ông hay cụ bà, người đó quan hệ với các em như thế nào.

– HS làm bài vào vở hoặc VBT.

– HS tiếp nối nhau đọc bài viết của mình. Cả lớp và GV nhận xét. GV chấm điểm một số đoạn viết hay.

4. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học.

– Dặn những HS viết đoạn văn chưa đạt về nhà hoàn chỉnh đoạn viết ; những HS chưa kiểm tra tập đọc, HTL hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu về nhà tiếp tục luyện đọc để kiểm tra lấy điểm trong tiết 6.

Tiết 6

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (yêu cầu như tiết 1).

2. Củng cố kiến thức về các biện pháp liên kết câu : Biết dùng các từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để liên kết các câu trong những ví dụ đã cho.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).

– Ba tờ giấy khổ to phô tô 3 đoạn văn ở BT2 (đánh số thứ tự các câu văn).

– Giấy khổ to viết về ba kiểu liên kết câu (bằng cách lặp từ ngữ, cách thay thế từ ngữ, cách dùng từ ngữ nối) (*Tiếng Việt 5, tập hai, tr.71, 76, 97* – xem nội dung ở dưới).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra TĐ và HTL (số HS còn lại) : Thực hiện như tiết 1.

3. Bài tập 2

– Ba HS tiếp nối nhau đọc nội dung BT2.

– GV nhắc HS chú ý : Sau khi điền từ ngữ thích hợp với mỗi ô trống, các em cần xác định đó là liên kết câu theo cách nào.

– Cả lớp đọc thầm lại từng đoạn văn, suy nghĩ, làm bài vào vở hoặc VBT. Một số HS làm bài trên bảng.

Lời giải :

a) 1) Con gấu càng leo lên cao thì khoảng cách giữa nó và tôi càng gần lại. 2) Đáng gờm nhất là những lúc mặt nó quay vòng về phía tôi : chỉ một thoáng gió vẫn vờ tạt từ hướng tôi sang nó là "mùi người" sẽ bị gấu phát hiện. 3) **Nhưng** xem ra nó đang say bông mật ong hơn là tôi.

(**nhưng** là từ nối câu 3 với câu 2).

b) 1) Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. 2) Hôm sau, **chúng** rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím. 3) Lúc về, tay đứa nào cũng đầy một nắm hoa.

(**chúng** ở câu 2 thay thế cho **lũ trẻ** ở câu 1).

c) 1) Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. 2) Nắng đã chiếu sáng loà cửa biển. 3) Xóm lưới cũng ngập trong **nắng** đó. 4) Sứ nhìn những làn khói bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làng biển. 5) **Chi** còn thấy rõ những vạt lưới đan bằng sợi nilông óng ánh phớt bên cạnh những vạt lưới đen ngăm trùi trùi. 6) **Nắng** sớm dầm chiếu người Sứ. 7) Ánh nắng chiếu vào đôi mắt **chi**, tẩm mượt mái tóc, phủ đầy đôi bờ vai tròn trịa của **chi**.

– **nắng** ở câu 3, câu 6 lặp lại **nắng** ở câu 2.

– **chi** ở câu 5 thay thế **Sứ** ở câu 4.

– **chi** ở câu 7 thay thế cho **Sứ** ở câu 6.

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị giấy bút làm bài kiểm tra viết.

Tiết 7

KIỂM TRA

ĐỌC – HIỂU, LUYỆN TỪ VÀ CÂU

(Thời gian làm bài khoảng 30 phút)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 7), giáo viên, hiệu trưởng hoặc Phòng Giáo dục các địa phương có thể tự ra đề kiểm tra Đọc – hiểu, Luyện từ và câu theo gợi ý sau :

– Văn bản có độ dài khoảng 200 – 250 chữ. Chọn văn bản ngoài SGK phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của HS lớp 5.

– Phần câu hỏi và bài tập không dưới 10 câu (ra đề kiểu trắc nghiệm khách quan), trong đó có khoảng 5 hoặc 6 câu kiểm tra đọc – hiểu của HS, 4 hoặc 5 câu kiểm tra về từ và câu (gắn với những kiến thức đã học).

– Để kết quả kiểm tra phản ánh chính xác trình độ HS, đề kiểm tra trắc nghiệm cần biên soạn thành hai đề **chẵn** và **lẻ**. Nội dung của hai đề giống nhau, chỉ khác ở sự sắp xếp câu hỏi và thứ tự các phương án trả lời trong một câu hỏi. (Xem mẫu đề chẵn/lẻ ở cuối SGK *Tiếng Việt 5, tập một*). GV đánh số báo danh để HS có số báo danh chẵn làm đề chẵn, HS có số báo danh lẻ làm đề lẻ – sao cho hai HS ngồi cạnh nhau không cùng làm một đề như nhau.

– Thời gian làm bài khoảng 30 phút (không kể thời gian giao đề và giải thích đề). Các bước tiến hành như sau :

+ GV phát đề kiểm tra cho từng HS theo số báo danh chuẩn, lẻ.

+ GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của bài, cách làm bài (chọn ý đúng/ ý đúng nhất bằng cách đánh dấu × vào ô trống trước ý trả lời đúng/đúng nhất).

+ HS đọc thật kỹ bài văn trong khoảng 15 phút.

+ HS đánh dấu × vào ô trống trước ý đúng/đúng nhất trong giấy kiểm tra để trả lời câu hỏi.

Ở những nơi không có điều kiện phô tô đề cho từng HS, các em chỉ cần ghi vào giấy kiểm tra số thứ tự câu hỏi và kí hiệu a, b, c, d để trả lời. VD, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong bài luyện tập tiết 7 (SGK) :

Đề chuẩn :

Câu 1 : ý a (*Mùa thu ở làng quê*)

Câu 2 : ý c (*Bằng cả thị giác, thính giác và khứu giác (ngửi).*)

Câu 3 : ý b (*Chỉ những hồ nước.*)

Câu 4 : ý c (*Vì những hồ nước in bóng bầu trời là "những cái giếng không đáy" nên tác giả có cảm tưởng nhìn thấy ở đó bầu trời bên kia trái đất.*)

Câu 5 : ý c (*Những cánh đồng lúa và cây cối, đất đai.*)

Câu 6 : ý b (*Hai từ. Đó là các từ : "xanh mướt, xanh lơ."*)

Câu 7 : ý a (*Chỉ có từ **chân** mang nghĩa chuyển.*)

Câu 8 : ý c (*Các hồ nước, những cánh đồng lúa, bọn trẻ.*)

Câu 9 : ý a (*Một câu. Đó là câu : "Chúng không còn là hồ nước nữa, chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất."*)

Câu 10 : ý b (*Bằng cách lặp từ ngữ.*) (Từ lặp lại là từ *không gian*.)

Đề lẻ : ...

Tiết 8 **KIỂM TRA**

TẬP LÀM VĂN

(Thời gian làm bài khoảng 40 phút)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 8), giáo viên, hiệu trưởng hoặc Phòng Giáo dục các địa phương có thể tự ra đề kiểm tra Tập làm văn viết – viết một bài văn miêu tả (tả người hoặc tả cảnh).

Bài viết được đánh giá về các mặt :

– Nội dung, kết cấu (đủ 3 phần : mở bài, thân bài, kết bài) (7 điểm). Trình tự miêu tả hợp lí.

– Hình thức diễn đạt (3 điểm) : Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác, không sai chính tả. Diễn đạt trôi chảy, lời văn tự nhiên, tình cảm chân thật.